

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-PT
Ngày 23 - 4 -2020
V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt; Ông Đỗ Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/DS - PT ngày 08 tháng 01 năm 2020: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Cà Văn S, bà Lò Thị D. Địa chỉ: Bản B, xã CS, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, có mặt

* *Bị đơn:* Ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Bản C, xã CS, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, có mặt

* *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phía nguyên đơn ông Cà Văn S, bà Lò Thị D trình bày:*

Ngày 17/02/2017 ông S, bà D có ký hợp đồng kinh tế với ông Đặng Minh Ph về việc cung cấp giống củ dong và tiêu thụ sản phẩm củ dong. Theo hợp đồng, ông Ph đồng ý cung ứng dong giống, bao tiêu toàn bộ sản phẩm củ dong và thanh toán cho ông S và bà D không quá 07 ngày kể từ khi hai bên ký xác nhận khối lượng tại địa điểm tập kết do hai bên thỏa thuận.

Thực hiện hợp đồng trên, ông Ph đã cung cấp cho ông S, bà D 800kg giống củ dong với giá 4.000VNĐ/kg, thành tiền là 3.200.000VNĐ. Ngày 17/12/2017 ông S, bà D đã giao cho ông Ph 16.690 kg củ dong với giá

1.100VNĐ/kg, thành tiền là 18.359.000VNĐ (Đơn giá 1.100VNĐ/kg là theo giá thị trường tại thời điểm tháng 12/2017 trong trường hợp gia đình tự thu hoạch và vận chuyển đến điểm tập kết). Sau khi trừ tiền giống 3.200.000VNĐ, ông Ph còn phải thanh toán cho ông S, bà D 15.159.000VNĐ. Theo thỏa thuận, ông Ph phải thanh toán cho ông bà trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng. Tuy nhiên, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và khất nợ nhiều lần.

Trong hợp đồng có ghi tên ông Nguyễn Bá C nhưng ông S, bà D không biết ông C là ai, chưa từng làm việc với ông C. Việc ký kết và thực hiện hợp đồng, giao hàng ông S, bà D đều làm việc trực tiếp với ông Đặng Minh Ph. Bà Nguyễn Thị H là vợ ông Ph có biết việc mua củ dong nên ông Ph và bà H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông bà số tiền hàng còn nợ là 15.159.000VNĐ và tiền lãi phát sinh từ ngày hết hạn thanh toán đến nay là 3.029.000VNĐ, tổng cộng là 18.224.000VNĐ. Ông S, bà D không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Bá C.

** Phía bị đơn ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ông Đặng Minh Ph xác nhận có việc ký kết hợp đồng kinh tế ngày 17/02/2017 về việc cung cấp giống củ dong và tiêu thụ sản phẩm củ dong với ông Cà Văn S và bà Lò Thị D. Theo đó, ông Ph cung ứng giống củ dong cho ông bà S D, đến vụ thu hoạch sẽ mua sản phẩm. Lúc đầu, ông Ph trực tiếp ký hợp đồng với vợ chồng ông S, bà D và thỏa thuận giá thu mua sản phẩm là 1.000VNĐ/kg trong trường hợp gia đình không tổ chức thu hoạch và giá 1.400VNĐ/kg trong trường hợp gia đình tự thu hoạch. Tuy nhiên, sau đó ông S thay đổi, không nhất trí theo giá của hợp đồng và đề nghị tính giá sản phẩm theo giá thị trường tại thời điểm thu mua. Việc thay đổi đơn giá thu mua do hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản. Đến vụ, ông Ph đã thu mua 16.690 kg củ dong của gia đình ông S với giá 800VNĐ/kg theo giá thị trường thời điểm tháng 12/2017, thành tiền là 13.352.000VNĐ. Sau khi trừ đi tiền giống 3.200.000VNĐ, ông Ph còn nợ gia đình ông S 10.152.000VNĐ. Theo thỏa thuận, ông Ph phải thanh toán cho ông S trong thời hạn 07 ngày kể từ khi nhận đủ hàng. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, củ dong không bán được nên ông Ph chưa thanh toán được cho ông bà S D. Việc cung ứng giống và thu mua củ dong do ông Ph trực tiếp thực hiện, vợ ông là bà Nguyễn Thị H có biết và có nhập vào tài sản chung của vợ chồng nên ông Ph và bà H sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông bà S D số tiền nợ gốc mua củ dong là 10.152.000VNĐ, nhưng do chưa có điều kiện thanh toán nên đề nghị thanh toán trong 02 năm. Đối với yêu cầu tính lãi, ông không nhất trí.

Bà Nguyễn Thị H xác nhận việc chồng bà là ông Đặng Minh Ph có cung ứng củ dong giống trị giá 3.200.000VNĐ cho ông bà S D và thu mua 16.690kg củ dong với giá thị trường thời điểm nhận hàng (tháng 12/2017) là 800VNĐ/kg, thành tiền là 13.352.000VNĐ. Sau khi trừ tiền cung ứng giống, số tiền hàng còn lại là 10.152.000VNĐ. Việc cung ứng giống và thu mua sản phẩm củ dong của

ông bà S D là do ông Ph trực tiếp thực hiện nhưng bà có biết và ông bà sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho ông bà S D là 10.152.000VNĐ. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, ông bà không có điều kiện thanh toán ngay nên đề nghị được thanh toán trong thời gian 02 năm. Đối với số tiền lãi, bà không đồng ý thanh toán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số: 01/2020/QĐ-SCBSBA ngày 28/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440, 486 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cà Văn S và bà Lò Thị D. Buộc ông Đặng Minh Ph và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Súc và bà Dâu số nợ gốc tiền mua củ dong từ năm 2017 là 15.159.000đ (*Mười lăm triệu một trăm năm chín nghìn đồng*), tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ tiền gốc tương ứng với thời gian chậm trả là 2.902.637đ (*Hai triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng*). Tổng cộng là 18.061.637đ (*Mười tám triệu không trăm sáu một nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày ông S và bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đặng Minh Ph và bà Nguyễn Thị H không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng ông Ph và bà H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2019 bị đơn ông Đặng Minh Ph có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do: Khi hai bên giao kết và thực hiện hợp đồng có sự thay đổi về giá nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét; hợp đồng được ký là hợp đồng kinh tế không phải hợp đồng vay mượn nên không được tính lãi suất; quá trình giải quyết vụ án ông Phương muốn sao chụp tài liệu, chứng cứ nhưng không được xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự:

Về phía bị đơn ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không đồng ý với việc tính lãi suất. Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn thi hành án trong hai năm.

Về phía nguyên đơn ông Cà Văn S, bà Lò Thị D: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung

kháng cáo của bị đơn ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Ngày 17/02/2017, ông Cà Văn S bà Lò Thị D đã ký Hợp đồng kinh tế cung cấp giống và tiêu thụ sản phẩm củ dong với ông Đặng Minh Ph, thực hiện hợp đồng ông S bà D đã giao đủ số lượng củ dong thành phẩm theo hợp đồng (có phiếu cân hàng kèm theo), do làm ăn thua lỗ, ông Ph không thanh toán số tiền củ dong thành phẩm còn nợ sau khi đã trừ đi tiền cung cấp giống nên ông S bà D đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây quan hệ pháp luật Tranh chấp hợp đồng mua bán là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán giữa ông Cà Văn S bà Lò Thị D với ông Đặng Minh Ph.

Ngày 17/02/2017 giữa ông Cà Văn S, bà Lò Thị D và ông Đặng Minh Ph có ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp giống và tiêu thụ sản phẩm củ dong. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đều thừa nhận và thống nhất việc ông Phương đã cung ứng 800 kg giống trị giá 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) cho gia đình ông S, đồng thời ông S bà D đã tự tổ chức thu hoạch và giao đầy đủ số lượng củ dong cho ông Ph theo đúng thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên không thống nhất được với nhau về giá, ông Ph cho rằng sau khi giao kết hợp đồng hai bên có sự thay đổi và thống nhất tính giá thành phẩm củ dong theo giá thị trường tại thời điểm thu mua là 800 VNĐ/kg. Tuy nhiên ngoài lời trình bày, ông Ph không cung cấp được căn cứ, tài liệu chứng minh có sự thay đổi trên. Căn cứ mục 4.4 Điều 4 của hợp đồng, đơn giá bao tiêu sản phẩm là 1.000đ/kg tính với hộ gia đình không tổ chức thu hoạch và tính 1.400đ/kg với hộ gia đình tổ chức thu hoạch. Quá trình giải quyết vụ án ông S, bà D cung cấp giấy xác nhận của địa phương thể hiện đơn giá thu mua củ dong thành phẩm tại nơi tập kết vào thời điểm tháng 12/2017 là 1.100đ/kg. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn giá 1.100đ/kg theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp.

Số lượng củ dong là 16.690kg với đơn giá là 1.100đ/kg, thành tiền là 18.359.000đ. Hai bên đều thừa nhận tiền củ dong giống là 3.200.000đ và đều thống nhất sẽ trừ đi khi thanh toán tiền hàng.

Bà Nguyễn Thị H mặc dù không trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng nhưng bà H xác nhận có biết và nhận trách nhiệm thanh toán số tiền mua củ dong nợ của ông S, bà D.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đặng Minh Ph bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Cà Văn S bà Lò Thị D số tiền thu mua củ dong 15.159.000 đồng (tiền gốc) là phù hợp, cần chấp nhận.

[2.2] Xét lãi suất chậm trả đối với số tiền còn nợ:

Do hợp đồng mua bán giữa ông bà S D và ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H không có điều khoản thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất chậm trả được căn cứ theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự kể từ ngày chậm trả (ngày 15/12/2017) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2019 (01 năm 11 tháng), cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận mức lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật và không chấp nhận mức lãi suất 1% theo yêu cầu của nguyên đơn ông S bà D là có căn cứ. Theo đó, số tiền lãi ông Ph bà H phải chịu đối với số tiền còn nợ là 2.902.637đ (*Hai triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng*) là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu sao chụp tài liệu chứng cứ của bị đơn ông Đặng Minh Ph:

Theo quy định tại khoản 8 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự: Đương sự có quyền “*Được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập, trừ tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này*”. Tuy nhiên để thực hiện quyền của mình, đương sự phải có đơn yêu cầu để Tòa án làm căn cứ xem xét việc cho đương sự sao chụp tài liệu. Qua xem xét hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa, ông Đặng Minh Ph không có đơn đề nghị sao chụp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở xem xét chấp nhận cho ông Phương sao chụp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Từ những nhận định phân tích nêu trên; xét thấy, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Đặng Minh Ph và bà Nguyễn Thị H, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

[3] Về án phí: Ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh Ph, bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cà Văn S và bà Lò Thị D. Buộc ông Đặng Minh Ph và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông S và bà D số nợ gốc tiền mua củ dong từ năm 2017 là 15.159.000đ (*Mười lăm triệu một trăm*

năm chín nghìn đồng), tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ tiền gốc tương ứng với thời gian chậm trả là 2.902.637đ (Hai triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng). Tổng cộng là 18.061.637đ (Mười tám triệu không trăm sáu một nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày ông S và bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đặng Minh Ph và bà Nguyễn Thị H không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng ông Ph và bà H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Đặng Minh Ph và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0004125 ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2020).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Minh